

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG NỀN KINH TẾ SỐ TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN TRỌNG QUANG
Khoa Luật, Trường Đại học Thành Đông

Nhận bài ngày 19/9/2025. Sửa chữa xong 29/9/2025. Duyệt đăng 05/10/2025.

Abstract

This article analyzes the current status of Vietnamese legislation governing artificial intelligence (AI) in the digital economy, while drawing insights from international practices in the European Union, the United States, China, and Singapore. It proposes several solutions to strengthen the legal framework, including the enactment of the Personal Data Protection Law, amendments to the Intellectual Property Law, the establishment of an AI sandbox mechanism, the addition of legal liability provisions, enhanced competition oversight, and alignment with international standards. The study emphasizes the urgency of developing a comprehensive and adaptive legal system that both promotes technological innovation and safeguards legal certainty and the rights of stakeholders in Vietnam's digital economy.

Keywords: Artificial intelligence, data protection, digital economy, intellectual property, Vietnamese law.

1. Đặt vấn đề

Trong thập niên qua, trí tuệ nhân tạo (AI) đã trở thành một trong những công nghệ đột phá quan trọng nhất, tác động sâu rộng đến kinh tế, xã hội và quản trị quốc gia. Theo PwC (2019), AI có thể đóng góp tới 15,7 nghìn tỷ USD cho GDP toàn cầu vào năm 2030, vượt xa đóng góp của bất kỳ công nghệ nào trước đây [3, tr. 5]. Trong bối cảnh đó, nhiều quốc gia đã coi AI là động lực cốt lõi cho chuyển đổi số, đồng thời là lĩnh vực chiến lược cần được điều chỉnh bởi khuôn khổ pháp lý phù hợp. Tại Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021), xác định mục tiêu đưa Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo và phát triển AI hàng đầu trong khu vực ASEAN. Bên cạnh đó, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 (số 20/2023/QH15) cũng đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc thừa nhận giá trị pháp lý của dữ liệu và giao dịch điện tử, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế số. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của AI đang vượt xa tốc độ hoàn thiện pháp luật. Một số thách thức nổi bật có thể kể đến: (i) vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường AI đòi hỏi lượng dữ liệu lớn để huấn luyện; (ii) vấn đề quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm, sản phẩm do AI sáng tạo; (iii) vấn đề trách nhiệm pháp lý khi AI gây ra thiệt hại mà chưa có cơ chế xác định rõ ràng chủ thể chịu trách nhiệm; và (iv) nguy cơ tập trung sức mạnh dữ liệu và độc quyền nền tảng, ảnh hưởng đến cạnh tranh lành mạnh. Trên bình diện quốc tế, Liên minh châu Âu đã thông qua Đạo luật Trí tuệ nhân tạo (2024) với cách tiếp cận quản trị theo mức độ rủi ro [1]; Hoa Kỳ lựa chọn phương thức mềm dẻo (soft law) nhằm khuyến khích đổi mới [5, tr. 3]; Trung Quốc tập trung vào kiểm soát dữ liệu và an ninh quốc gia; trong khi Singapore xây dựng AI Governance Framework nhấn mạnh vào tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. So sánh với Việt Nam, có thể thấy hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn nhiều khoảng trống cần được bổ sung và điều chỉnh để vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo, vừa bảo đảm an toàn pháp lý cho các chủ thể. Do đó, việc nghiên cứu đề tài "Hoàn thiện pháp luật về trí tuệ nhân tạo trong nền kinh tế số tại Việt Nam" là hết sức cần thiết, không chỉ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn mà còn đưa ra các khuyến nghị chính sách, pháp luật nhằm xây dựng một hành lang pháp lý đồng bộ, minh bạch và

Email: trongquang@gmail.com.

hội nhập quốc tế. Đây cũng chính là đóng góp quan trọng của bài báo này đối với lĩnh vực pháp luật kinh tế trong bối cảnh mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và khung phân tích

Trí tuệ nhân tạo (AI) được hiểu là tập hợp các công nghệ cho phép máy móc mô phỏng một số chức năng nhận thức của con người như học hỏi, suy luận, dự đoán và ra quyết định. Trong lĩnh vực pháp lý và kinh tế, AI được ứng dụng rộng rãi để xử lý dữ liệu lớn, tự động hóa quy trình giao dịch, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và hỗ trợ quản trị công. Với đặc tính tự học và thích ứng, AI không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn trở thành chủ thể trung gian quan trọng trong nhiều quan hệ kinh tế – xã hội. Kinh tế số là nền kinh tế dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó AI đóng vai trò hạ tầng thông minh, giúp gia tăng năng suất và tạo ra các mô hình kinh doanh mới. Kinh tế số bao gồm thương mại điện tử, tài chính số, chính phủ điện tử và các dịch vụ dựa trên nền tảng dữ liệu. Sự phát triển của kinh tế số gắn liền với mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật, bởi lẽ các quan hệ kinh tế trong môi trường số đòi hỏi những chuẩn mực pháp lý mới để điều chỉnh hành vi và bảo vệ quyền lợi của các chủ thể. Khái niệm hoàn thiện pháp luật trong bối cảnh này được hiểu là quá trình bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới các quy phạm pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch và phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ. Việc hoàn thiện không chỉ dừng ở khía cạnh hình thức (kỹ thuật lập pháp) mà còn đòi hỏi sự điều chỉnh nội dung để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và hài hòa với các chuẩn mực quốc tế. Về phương diện nguyên tắc, nhiều tổ chức quốc tế đã ban hành khung định hướng cho quản trị AI. OECD (2019) khuyến nghị các nguyên tắc về minh bạch, trách nhiệm giải trình và tôn trọng quyền con người [2, tr. 9]. UNESCO (2021) nhấn mạnh AI phải hướng đến con người, thúc đẩy phát triển bền vững và bảo đảm công bằng [4, tr. 5]. Liên minh châu Âu, thông qua Đạo luật Trí tuệ nhân tạo năm 2024, đưa ra cách tiếp cận quản lý dựa trên mức độ rủi ro của từng ứng dụng AI. Những nguyên tắc này có thể coi là cơ sở tham chiếu quan trọng để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại Việt Nam. Từ góc độ khung phân tích, bài báo sẽ tập trung vào bốn nhóm vấn đề pháp lý cơ bản: (i) bảo vệ dữ liệu cá nhân và dữ liệu lớn, (ii) quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm do AI sáng tạo, (iii) trách nhiệm pháp lý khi AI gây ra thiệt hại và (iv) bảo đảm cạnh tranh công bằng trong nền kinh tế số. Đây là những lĩnh vực vừa có tính nền tảng, vừa có tính cấp bách, phản ánh rõ nhất mối quan hệ giữa AI, kinh tế số và pháp luật.

2.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về AI trong kinh tế số

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam trong những năm gần đây diễn ra nhanh chóng, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại điện tử, tài chính – ngân hàng, y tế và quản trị công. Tuy nhiên, hành lang pháp lý hiện hành mới chỉ điều chỉnh gián tiếp một số vấn đề liên quan, chưa có văn bản pháp luật chuyên biệt về AI. Thực trạng pháp luật có thể phân tích trên bốn phương diện sau:

2.2.1. Bảo vệ dữ liệu cá nhân và dữ liệu lớn

Trong bối cảnh kinh tế số, dữ liệu cá nhân trở thành yếu tố cốt lõi cho sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, bởi các mô hình AI cần một khối lượng dữ liệu khổng lồ để huấn luyện và vận hành. Việc thu thập, xử lý và khai thác dữ liệu nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ dễ dẫn đến nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, lạm dụng dữ liệu hoặc rò rỉ thông tin nhạy cảm. Trước năm 2025, Việt Nam mới chỉ có Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, tuy nhiên văn bản này chỉ ở mức dưới luật và phạm vi điều chỉnh còn hạn chế. Việc Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đánh dấu bước tiến quan trọng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc và toàn diện hơn. Luật quy định rõ quyền của chủ thể dữ liệu, bao gồm quyền được biết, quyền đồng ý, quyền truy cập, chỉnh sửa, xóa và di chuyển dữ liệu. Đồng thời, luật cũng xác lập nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân xử lý dữ liệu như bảo đảm tính minh bạch, chỉ sử dụng dữ liệu đúng mục đích, áp dụng biện pháp kỹ thuật an toàn và chịu trách nhiệm khi xảy ra sự cố rò rỉ. Đặc biệt, luật đưa ra các cơ chế kiểm soát việc chuyển giao dữ liệu ra nước ngoài, yêu cầu doanh nghiệp quốc tế cung cấp dịch vụ tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện nghiêm ngặt để bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia. Dù đã có bước tiến quan trọng, việc thực thi luật trong thực tiễn vẫn còn nhiều thách thức. Cơ quan quản lý cần có năng lực giám sát và công cụ kỹ thuật để kiểm

tra hoạt động xử lý dữ liệu của các nền tảng số, trong khi các doanh nghiệp cũng phải đầu tư mạnh vào hạ tầng bảo mật và tuân thủ pháp lý. Bên cạnh đó, vấn đề cân bằng giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân và khuyến khích khai thác dữ liệu cho phát triển AI cũng cần được giải quyết thỏa đáng. Điều này đòi hỏi pháp luật phải đi kèm với hướng dẫn chi tiết và cơ chế thử nghiệm linh hoạt để vừa bảo đảm quyền riêng tư của công dân, vừa không kìm hãm sự đổi mới sáng tạo.

2.2.2. Quyền sở hữu trí tuệ

Sự bùng nổ của các công cụ AI tạo sinh (generative AI) như ChatGPT, MidJourney, DALL-E hay Suno đã đặt ra thách thức lớn đối với hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ truyền thống. Theo Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022, quyền tác giả chỉ được công nhận đối với tác phẩm do con người trực tiếp sáng tạo, dựa trên dấu ấn cá nhân. Tuy nhiên, khi AI có khả năng tự động tạo ra tác phẩm văn học, âm nhạc, hội họa hoặc thiết kế công nghiệp, việc xác định chủ thể quyền trở nên phức tạp. Liệu quyền tác giả thuộc về nhà phát triển phần mềm, người sử dụng công cụ AI, hay sẽ có cơ chế công nhận quyền riêng cho “tác phẩm AI”? Câu hỏi này hiện vẫn bỏ ngỏ trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên thực tế, sự thiếu vắng quy định cụ thể đã làm phát sinh nhiều tranh cãi. Ví dụ, trong lĩnh vực âm nhạc và mỹ thuật, một số nghệ sĩ sử dụng AI để tạo ra tác phẩm và công bố công khai, nhưng việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm này không được pháp luật thừa nhận rõ ràng. Điều này khiến các cá nhân và doanh nghiệp gặp khó khăn khi khai thác thương mại hoặc bảo vệ quyền lợi trước hành vi sao chép, vi phạm. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy mỗi hệ thống pháp luật có cách tiếp cận khác nhau. Tòa án Mỹ đã từ chối công nhận quyền tác giả cho tác phẩm do AI tạo ra mà không có sự can thiệp sáng tạo đáng kể của con người. Ngược lại, một số nước như Vương quốc Anh đã có quy định thừa nhận người “sắp xếp, tổ chức” quá trình vận hành AI là tác giả hợp pháp. Những tranh luận này cũng phản ánh sự phức tạp của vấn đề tại Việt Nam, khi nền kinh tế số ngày càng gắn chặt với sáng tạo dựa trên AI. Nhìn chung, hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam vẫn chậm thích ứng với thực tiễn. Nếu không sớm có quy định cụ thể, khoảng trống pháp lý này có thể làm hạn chế động lực đổi mới sáng tạo, gây khó khăn cho doanh nghiệp và làm giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế số trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2.3. Trách nhiệm pháp lý

Vấn đề trách nhiệm pháp lý khi AI tạo gây ra thiệt hại hiện đang là một trong những khoảng trống lớn nhất của pháp luật Việt Nam. Bộ luật Dân sự năm 2015, tại Điều 683, quy định nguyên tắc chung về bồi thường thiệt hại, trong đó chủ thể gây thiệt hại phải bồi thường toàn bộ cho người bị thiệt hại. Tuy nhiên, cơ chế này được xây dựng trên giả định truyền thống rằng thiệt hại luôn gắn với hành vi của một cá nhân hoặc pháp nhân cụ thể. Trong khi đó, hệ thống AI có khả năng tự học, tự đưa ra quyết định mà không phải lúc nào cũng có sự can thiệp trực tiếp của con người. Thực tiễn quốc tế đã xuất hiện nhiều tình huống phức tạp: xe tự lái gây tai nạn giao thông, hệ thống chẩn đoán y khoa bằng AI đưa ra kết quả sai dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, hay chatbot phát tán thông tin sai lệch gây thiệt hại về tài chính và uy tín cho người dùng. Trong những trường hợp này, việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm – nhà sản xuất phần mềm, người vận hành hệ thống, hay chính người sử dụng dịch vụ – trở thành vấn đề pháp lý nan giải. Pháp luật Việt Nam hiện nay vẫn áp dụng cơ chế trách nhiệm truyền thống, theo đó trách nhiệm thường được quy về tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành hệ thống AI. Tuy nhiên, cách tiếp cận này chưa phản ánh đúng tính chất đặc thù của công nghệ có khả năng tự ra quyết định. Bên cạnh đó, việc thiếu quy định về phân bổ trách nhiệm giữa các bên liên quan (nhà phát triển, nhà cung cấp dịch vụ, người sử dụng) có thể dẫn đến tình trạng “vùng xám pháp lý”, gây khó khăn cho hoạt động tố tụng và bồi thường thiệt hại. Nhìn chung, trách nhiệm pháp lý đối với AI ở Việt Nam vẫn dừng ở mức độ khái quát, thiếu tính chuyên biệt. Nếu không sớm có quy định rõ ràng, các tranh chấp phát sinh từ ứng dụng AI trong kinh tế số sẽ khó được giải quyết thấu đáo, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm niềm tin của xã hội đối với công nghệ mới này.

2.2.4. Cạnh tranh và kiểm soát nền tảng số

Trong nền kinh tế số, dữ liệu được coi là nguồn lực chiến lược, quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Các tập đoàn công nghệ lớn thường sở hữu kho dữ liệu khổng lồ, cho phép họ huấn

luyện mô hình AI với độ chính xác cao hơn, từ đó chiếm lĩnh thị trường. Điều này dẫn tới nguy cơ độc quyền dữ liệu và hình thành các rào cản gia nhập đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực tiễn quốc tế đã chứng minh, khi dữ liệu tập trung vào một số ít doanh nghiệp, thị trường dễ bị chi phối bởi thuật toán và hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Pháp luật Việt Nam hiện nay mới chỉ điều chỉnh cạnh tranh trên nền tảng truyền thống. Luật Cạnh tranh năm 2018 tập trung vào các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và tập trung kinh tế. Tuy nhiên, các quy định này chưa phản ánh hết đặc thù của nền kinh tế số, nơi dữ liệu và thuật toán đóng vai trò quan trọng không kém vốn hay lao động. Đặc biệt, chưa có cơ chế cụ thể để giám sát việc sử dụng dữ liệu nhằm triệt tiêu đối thủ hoặc thao túng thị trường bằng công nghệ AI. Một ví dụ thực tiễn tại Việt Nam là các nền tảng thương mại điện tử lớn sử dụng thuật toán gợi ý để ưu tiên sản phẩm của chính mình, gây bất lợi cho nhà bán hàng nhỏ lẻ. Đây là biểu hiện rõ ràng của việc lạm dụng sức mạnh dữ liệu và công nghệ. Tuy vậy, cơ quan quản lý cạnh tranh vẫn gặp khó khăn trong việc chứng minh hành vi vi phạm, do thiếu công cụ giám sát kỹ thuật cũng như khung pháp lý phù hợp. Nhìn chung, cơ chế kiểm soát cạnh tranh hiện hành chưa đủ để điều chỉnh những thách thức phát sinh từ nền tảng số và trí tuệ nhân tạo. Nếu không kịp thời hoàn thiện pháp luật, nguy cơ độc quyền dữ liệu và thao túng thuật toán sẽ làm méo mó môi trường kinh doanh, cản trở đổi mới sáng tạo và ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi người tiêu dùng.

2.3. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật tại Việt Nam

Việc hoàn thiện pháp luật về trí tuệ nhân tạo trong nền kinh tế số tại Việt Nam xuất phát từ những yêu cầu khách quan của bối cảnh phát triển công nghệ và hội nhập quốc tế. Trí tuệ nhân tạo đang trở thành động lực then chốt cho tăng trưởng kinh tế, góp phần định hình những mô hình kinh doanh mới, tối ưu hóa quy trình sản xuất – dịch vụ và nâng cao hiệu quả quản trị công. Tuy nhiên, chính đặc tính tự học, tự ra quyết định và khả năng tạo sinh của AI lại khiến hệ thống pháp luật truyền thống trở nên lúng túng. Nếu tiếp tục áp dụng cơ chế điều chỉnh dựa trên giả định rằng mọi hành vi đều do con người trực tiếp thực hiện, pháp luật sẽ khó bao quát được những rủi ro mới nảy sinh. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng một khuôn khổ pháp lý vừa đủ chặt chẽ để bảo đảm an toàn, vừa đủ linh hoạt để khuyến khích đổi mới sáng tạo, đồng thời tương thích với chuẩn mực quốc tế nhằm bảo đảm vị thế cạnh tranh của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu.

2.3.1. Sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ

Hiện nay, Luật Sở hữu trí tuệ chỉ công nhận quyền tác giả đối với tác phẩm do con người sáng tạo, trong khi AI ngày càng có khả năng tạo ra các sản phẩm văn học, nghệ thuật, âm nhạc và thậm chí cả sáng chế kỹ thuật. Khoảng trống pháp lý này khiến các sản phẩm do AI tạo ra không được bảo hộ, gây khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân khi khai thác thương mại. Việt Nam có thể học hỏi một số kinh nghiệm quốc tế, chẳng hạn như quy định của Anh công nhận người sắp xếp quá trình sáng tạo bằng máy tính là tác giả. Tuy nhiên, cần có sự điều chỉnh phù hợp để tránh tình trạng lạm dụng AI sản xuất hàng loạt nội dung làm loãng thị trường sáng tạo. Một giải pháp dung hòa là công nhận quyền của người sử dụng hoặc tổ chức vận hành AI đối với tác phẩm, đồng thời thiết lập cơ chế chia sẻ quyền và lợi ích giữa nhà phát triển phần mềm và người sử dụng. Ngoài ra, có thể cân nhắc cơ chế bảo hộ có thời hạn hoặc giới hạn đối với tác phẩm AI nhằm cân bằng giữa khuyến khích đổi mới và bảo vệ không gian sáng tạo chung.

2.3.2. Hoàn thiện quy định về trách nhiệm pháp lý đối với hành vi và quyết định của AI

Bộ luật Dân sự năm 2015 vẫn quy định trách nhiệm bồi thường dựa trên giả định có hành vi trái pháp luật của cá nhân hoặc pháp nhân cụ thể. Thực tiễn lại cho thấy, AI có khả năng đưa ra quyết định độc lập, đôi khi vượt ngoài sự kiểm soát trực tiếp của con người. Các tình huống như xe tự lái gây tai nạn, hệ thống chẩn đoán y tế đưa ra kết quả sai, hay chatbot phát tán thông tin sai lệch đều đặt ra câu hỏi: ai là người chịu trách nhiệm? Nếu chỉ quy trách nhiệm cho chủ sở hữu hoặc người sử dụng, pháp luật sẽ không phản ánh đầy đủ bản chất công nghệ. Vì vậy, cần thiết phải thiết lập cơ chế trách nhiệm phân tầng, trong đó nhà phát triển phải chịu trách nhiệm về lỗi thiết kế, nhà cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm về triển khai và vận hành, còn người sử dụng chịu trách nhiệm nếu cố ý khai thác AI cho mục đích vi phạm pháp luật. Để bảo đảm quyền lợi cho nạn nhân, có thể nghiên cứu xây dựng quỹ bồi

thường hoặc cơ chế bảo hiểm bắt buộc đối với một số ứng dụng AI có rủi ro cao, tương tự như mô hình bảo hiểm trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực giao thông vận tải.

2.3.3. Xây dựng cơ chế thử nghiệm pháp lý hay còn gọi là sandbox AI

Trong giai đoạn pháp luật chưa theo kịp, sandbox sẽ đóng vai trò là công cụ “đệm” cho phép doanh nghiệp và nhà nghiên cứu triển khai ứng dụng AI trong phạm vi giới hạn, dưới sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước. Sandbox không chỉ tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo mà còn giúp cơ quan lập pháp và hành pháp có cơ hội quan sát, đánh giá rủi ro, từ đó đưa ra các điều chỉnh pháp lý phù hợp hơn. Việt Nam có thể triển khai sandbox trong các lĩnh vực tài chính – ngân hàng, y tế, giao thông và giáo dục, nơi AI vừa có tiềm năng ứng dụng lớn, vừa tiềm ẩn rủi ro cao. Cơ chế báo cáo định kỳ, giám sát độc lập và đánh giá tác động xã hội sẽ giúp sandbox vận hành minh bạch và hiệu quả.

2.3.4. Tăng cường kiểm soát cạnh tranh và chống độc quyền dữ liệu

Luật Cạnh tranh 2018 chưa đủ công cụ để xử lý các hành vi lạm dụng thuật toán và dữ liệu. Trong nền kinh tế số, một doanh nghiệp nắm giữ kho dữ liệu khổng lồ có thể dễ dàng thao túng hành vi người tiêu dùng, ưu tiên sản phẩm của chính mình và loại bỏ đối thủ nhỏ lẻ khỏi thị trường. Pháp luật cần bổ sung cơ chế minh bạch thuật toán gợi ý, cấm hành vi tự ưu tiên sản phẩm trên nền tảng do chính mình kiểm soát, đồng thời quy định về chia sẻ dữ liệu bắt buộc trong một số trường hợp để bảo đảm sự công bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cơ quan quản lý cạnh tranh cũng cần được nâng cao năng lực phân tích dữ liệu và công nghệ, có đủ công cụ để giám sát hành vi trong môi trường số.

2.3.5. Hải hòa pháp luật Việt Nam với chuẩn mực quốc tế

Các chuẩn mực quốc tế như Nguyên tắc AI của OECD, Khuyến nghị đạo đức AI của UNESCO hay AI Act của Liên minh châu Âu đều nhấn mạnh những giá trị chung: minh bạch, trách nhiệm giải trình, an toàn, tôn trọng quyền con người và thúc đẩy phát triển bền vững. Việt Nam cần chủ động tham gia các sáng kiến toàn cầu, đồng thời nội luật hóa các nguyên tắc phù hợp để bảo đảm tính tương thích. Điều này không chỉ giúp nâng cao uy tín quốc tế mà còn tạo môi trường pháp lý ổn định, hấp dẫn nhà đầu tư và khuyến khích hợp tác công nghệ.

2.3.6. Đẩy mạnh nghiên cứu, đào tạo và nâng cao nhận thức xã hội

Bên cạnh việc ban hành và sửa đổi luật, cần đẩy mạnh nghiên cứu học thuật liên ngành về AI và pháp luật, đào tạo đội ngũ chuyên gia pháp lý am hiểu công nghệ, và nâng cao nhận thức xã hội về quyền và nghĩa vụ trong môi trường số. Nếu doanh nghiệp và người dân không ý thức được tầm quan trọng của bảo vệ dữ liệu, trách nhiệm pháp lý hay cạnh tranh lành mạnh thì ngay cả những quy định pháp luật tiên tiến nhất cũng khó có thể phát huy hiệu lực. Do đó, việc kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật, thực thi hiệu quả và nâng cao nhận thức xã hội sẽ là chìa khóa để Việt Nam tận dụng cơ hội mà AI mang lại, đồng thời kiểm soát rủi ro một cách bền vững.

3. Kết luận

Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu đã và đang tạo ra những thay đổi căn bản trong cách thức tổ chức sản xuất, kinh doanh và quản trị xã hội. Việt Nam, với vị thế là nền kinh tế đang phát triển năng động, có nhiều cơ hội tận dụng AI để thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, cùng với đó là những thách thức pháp lý chưa từng có, liên quan trực tiếp đến quyền con người, an ninh dữ liệu, trách nhiệm pháp lý và cạnh tranh công bằng. Thực trạng pháp luật Việt Nam hiện nay cho thấy các quy định mới chỉ dừng ở mức độ khái quát, rải rác trong nhiều văn bản khác nhau, chưa đủ khả năng tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ, minh bạch và hiệu quả cho sự phát triển của AI trong nền kinh tế số.

Việc ban hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 là bước tiến quan trọng, giúp Việt Nam có cơ sở pháp lý vững chắc để kiểm soát việc thu thập, xử lý và khai thác dữ liệu – yếu tố then chốt đối với mọi ứng dụng AI. Song hành với đó, cần tiếp tục sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ nhằm công nhận và điều chỉnh sáng tạo có yếu tố AI, đồng thời xây dựng cơ chế trách nhiệm pháp lý phù hợp với đặc thù công nghệ tự động hóa. Việc triển khai sandbox AI trong một số lĩnh vực trọng yếu sẽ vừa tạo điều kiện cho đổi

mới sáng tạo, vừa cung cấp thực tiễn thử nghiệm quý báu để cơ quan lập pháp hoàn thiện khung pháp lý. Cùng với đó, kiểm soát cạnh tranh và chống độc quyền dữ liệu phải được coi trọng nhằm bảo đảm môi trường kinh doanh lành mạnh, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ở tầm quốc tế, việc hài hòa pháp luật Việt Nam với các chuẩn mực toàn cầu của OECD, UNESCO và Liên minh châu Âu sẽ giúp củng cố uy tín quốc gia, tạo niềm tin cho đối tác và nâng cao khả năng hội nhập. Tuy nhiên, quá trình này cần được thực hiện một cách chọn lọc và linh hoạt, phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế và văn hóa của Việt Nam. Bên cạnh đó, nâng cao năng lực con người – từ nhà quản lý, luật gia đến doanh nghiệp và người dân – là điều kiện tiên quyết để các quy định pháp luật đi vào cuộc sống. Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, hoàn thiện pháp luật về trí tuệ nhân tạo trong nền kinh tế số không chỉ là yêu cầu tất yếu của sự phát triển công nghệ, mà còn là nền tảng bảo đảm quyền con người, thúc đẩy công bằng xã hội và duy trì đà tăng trưởng bền vững. Việt Nam cần kiên định theo đuổi định hướng xây dựng hành lang pháp lý vừa cởi mở, vừa chặt chẽ, để AI trở thành công cụ phục vụ con người, góp phần đưa đất nước hội nhập thành công và phát triển thịnh vượng trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

- [1] European Union (2024), *Artificial Intelligence Act*, Regulation (EU) 2024/1689, OJ L 202.
- [2] OECD (2019), *Recommendation of the Council on Artificial Intelligence*, OECD Publishing, Paris.
- [3] PwC (2019), *Sizing the Prize: What's the real value of AI for your business and how can you capitalise?*, PwC Global Report.
- [4] UNESCO (2021), *Recommendation on the Ethics of Artificial Intelligence*, Paris.
- [5] United States (2019), *Guidance for Regulation of Artificial Intelligence Applications*, Executive Office of the President.

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH...

Tiếp theo trang 290

4. Kết luận

Đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực GDMN tư thực là một hướng đi tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của xã hội, đồng thời góp phần chia sẻ gánh nặng với giáo dục công lập. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập cả về quy định pháp luật lẫn khâu thực thi, đặc biệt liên quan đến điều kiện đầu tư, thủ tục hành chính, cơ chế quản lý, chính sách tài chính – thuế, cũng như chế độ dành cho đội ngũ giáo viên. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật về đầu tư kinh doanh trong GDMN tư thực là hết sức cần thiết. Để đạt được mục tiêu này, Nhà nước cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật còn chồng chéo, chưa thống nhất; đơn giản hóa thủ tục hành chính trong cấp phép, giám sát hoạt động đầu tư; hoàn thiện cơ chế ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng; đồng thời xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển đội ngũ giáo viên mầm non tư thực. Tóm lại, việc hoàn thiện pháp luật về đầu tư kinh doanh trong GDMN tư thực không chỉ là yêu cầu khách quan xuất phát từ thực tiễn, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền được học tập của trẻ em, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thúc đẩy xã hội hóa giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*.
- [3] Chính phủ (2024). *Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục*.
- [4] Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019.
- [5] Chính phủ (2025). *Nghị quyết số 66/NQ-CP, ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2025-2030*.
- [6] Quốc hội (2025). *Nghị quyết số 218/2025/QH15, ngày 26/6/2005 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi*.
- [7] Chính phủ (2025). *Nghị quyết số 281/NQ-CP, ngày 15/9/2025 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [8] Doãn Nhân (2025). *Hệ thống giáo dục mầm non nước ta từ năm 2010 đến 2024 qua những con số*. Nguồn: <https://giaoduc.net.vn/he-thong-giao-duc-mam-non-nuoc-ta-tu-nam-2010-den-2024-qua-nhung-con-so-post249290.gd>, truy cập ngày 12/9/2025.
- [9] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo*.